

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 38/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974; Địa chỉ: số 138 đường H, khóm M, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

*Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị N:* Luật sư Võ Hùng H, Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1977; Địa chỉ: số 134 đường H, khóm M, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị N1:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1954; Địa chỉ: số 134, khóm M, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo văn bản ủy quyền ngày 18/8/2022.

2. Ông Lê Văn H1, sinh năm 1958 (chết ngày 01/11/2019).

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn H1:*

1. Bà Đinh Thị A, sinh năm 1959.

2. Ông Lê Hoàng V, sinh năm 1981.

3. Ông Lê Hoàng V1, sinh năm 1983.

4. Ông Lê Hoàng B, sinh năm 1988.

5. Ông Lê Hoàng T, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: số 136 đường H, khóm M, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

*Người đại diện hợp pháp của bà Đinh Thị A, ông Lê Hoàng V, ông Lê Hoàng V1, ông Lê Hoàng B, ông Lê Hoàng T:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm

1954; Địa chỉ: số 134, khóm M, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo văn bản ủy quyền ngày 18/8/2022.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1954; Địa chỉ: số 134, khóm M, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Trà Vinh .

2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1962; Địa chỉ: số 140 đường H, khóm M, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Ông Nguyễn Trung Q, sinh năm 1966; Địa chỉ: số 149 đường H, khóm M, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4. Ông Nguyễn Hoàng A1, sinh năm 1980; Địa chỉ: số 219 đường H, khóm M, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

5. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1972.

6. Bà Nguyễn Thị Thúy P, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: số 138 đường H, khóm M, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

7. Ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

8. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

*Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Trung Q, ông Nguyễn Hoàng A1, ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị Thúy P, ông Nguyễn Văn H3 và ông Nguyễn Văn S:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974; Địa chỉ: số 138 đường H, khóm M, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo văn bản ủy ngày 18/8/2020.

9. Anh Huỳnh Minh H4, sinh năm 1985.

10. Anh Huỳnh Minh T2, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: số 140 đường H, khóm M, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

11. Chị Nguyễn Thị Ngọc B1, sinh năm 1993; Địa chỉ: số 138 đường H, khóm M, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

12. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1964; Địa chỉ: 71 TRAFTON RD SPRING FIELD, MA, 01108 USA.

*Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị T3:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974; Địa chỉ: số 138 đường H, khóm M, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo văn bản ủy ngày 03/3/2022.

13. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh; có trụ sở tại: khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh: Ông Nguyễn Văn H5, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn D thống nhất như sau: Bà Nguyễn Thị N1 và hàng thừa kế của ông Lê Văn H1 gồm bà Đinh Thị A, ông Lê Hoàng V, ông Lê Hoàng V1, ông Lê Hoàng B, ông Lê Hoàng T đồng ý giao trả phần C diện tích 16,6m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 28, loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 31, cùng tọa lạc tại khóm M, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho bà Nguyễn Thị N được

quyền quản lý, sử dụng và tài sản gắn liền với đất. Có tứ cận như sau:

- Hướng Bắc: giáp phần B thuộc thửa số 28 có số đo 29,1m.
- Hướng Nam: giáp phần còn lại thửa số 28 có số đo 28,9m.
- Hướng Đông: giáp thửa số 16 có số đo 0,52m.
- Hướng Tây: giáp Rạch Trại Ghe Hàu có số đo 0,6m.

Công nhận phần B diện tích 3,8m<sup>2</sup> thuộc thửa số 28, loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 31, cùng tọa lạc tại khóm M, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Trà Vinh và tài sản gắn liền với đất cho bà Nguyễn Thị N1 và hàng thừa kế của ông Lê Văn H1 gồm bà Đinh Thị A, ông Lê Hoàng V, ông Lê Hoàng V1, ông Lê Hoàng B, ông Lê Hoàng T. Có tứ cận như sau:

- Hướng Bắc: giáp phần A thuộc thửa số 27 có số đo 29,2m.
- Hướng Nam: giáp phần C thuộc thửa số 28 có số đo 29,1m.
- Hướng Đông: giáp thửa số 16 có số đo 0,1m.
- Hướng Tây: giáp Rạch Trại Ghe Hàu có số đo 0,16m.

(Theo sơ đồ khu đất kèm theo công văn số 364/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 05/7/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh).

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền thực hiện nghĩa vụ tài chính, làm các thủ tục xin điều chỉnh, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án khi có hiệu lực pháp luật (nếu có).

Cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự theo quyết định của bản án khi có hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 75.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017827 ngày 04/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần nên bà Nguyễn Thị N được nhận lại 225.000 đồng tại cơ quan thi hành án. Bà Nguyễn Thị N1, bà Đinh Thị A, ông Lê Hoàng V, ông Lê Hoàng V1, ông Lê Hoàng B, ông Lê Hoàng T phải chịu 75.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0019160 ngày 08/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần nên bà Nguyễn Thị N1 được nhận lại 225.000 đồng tại cơ quan thi hành án.

Về chi phí thẩm định và định giá tài sản là 6.346.789 đồng. Bà Nguyễn Thị N phải chịu 3.173.394 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 6.346.789 đồng nên bà N được nhận lại 3.173.394 đồng tại cơ quan thi hành án. Bà Nguyễn Thị N1, bà Đinh Thị A, ông Lê Hoàng V, ông Lê Hoàng V1, ông Lê Hoàng B, ông Lê Hoàng T phải chịu 3.173.394 đồng nộp tại cơ quan thi hành án, sau đó cơ quan thi hành án thu rồi giao lại cho bà Nguyễn Thị N.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Tổng Văn Viên**